TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 04/2023/HNGĐ-PT
Ngày 06/9/2023
V/v *"Ly hôn, chia nợ chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:*Bà **Vi Thị Tuyết Mai**

*Các Thẩm phán:*Ông Hoàng Hữu Truyền

Bà Lý Thị Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lục Thị Ánh Nguyệt** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Thắng** – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 01/2023/TLPT-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2023, về việc *"Ly hôn, chia nợ chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐ-PT ngày 14 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

* <u>*Nguyên đơn*</u>: Ông **Nông Minh N** – sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn P, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

* <u>*Bị đơn*</u>: Bà **Hoàng Thị H** – sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn P, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

* <u>*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*</u>: Ngân hàng C – địa chỉ: Số A L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Giá Mã T** – chức vụ: Phó giám đốc phòng C huyện N, tỉnh Bắc Kạn. mặt. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Hoàng Thị H

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/10/2022, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nông Minh N trình bày:

* Về hôn nhân: Ông và bà Hoàng Thị H chung sống với nhau từ năm 2002, đến ngày 06/10/2005 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V (Nay là xã V), huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, đến tháng 10 năm 2018 ông vào miền N làm ăn, bà H ở nhà có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác và bỏ về nhà bố mẹ đẻ của bà H ở thôn N, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông yêu cầu được ly hôn với bà Hoàng Thị H.

* Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nông Văn H1, sinh ngày 19/7/2002, con khỏe mạnh và phát triển bình thường, hiện nay đã trên 18 tuổi nên ông không yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

* Về tài sản chung, nợ chung**:**

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng ông có vay phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C, tỉnh Bắc Kạn với tổng số tiền là 54.000.000đ *(Năm mươi tư triệu đồng)*. Quá trình giải quyết, lúc đầu ông không nhất trí trả nợ mà yêu cầu bà H phải trả toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh cho ngân hàng, nhưng sau đó ông yêu cầu bà H trả 1/2 số nợ gốc cùng tiền lãi phát sinh trên nợ gốc, còn ông sẽ trả 1/2 số nợ gốc và tiền lãi phát sinh còn lại cho Ngân hàng C.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên hòa giải bị đơn bà Hoàng Thị H trình bày:

* Về hôn nhân: Quá trình kết hôn, chung sống, việc mâu thuẫn, thời điểm phát sinh mâu thuẫn giữa bà và ông N đúng như phần trình bày của ông N, tuy nhiên nguyên nhân mâu thuẫn không đúng như ông N trình bày mà do ngày 16 tháng 12 năm 2017 bà bị tai nạn giao thông và phải đi bệnh viện điều trị nhưng ông N không chăm sóc và cũng không cho bà tiền để điều trị. Ngày 26 tháng 12 năm 2017 bà được ra viện, về đến nhà ông N bắt đầu mắng chửi, đánh đập và nói bà là người tàn phế không làm được gì. Bà ở nhà được khoảng 01 tháng thì ông N đuổi bà ra khỏi nhà. Sau khi bị đuổi khỏi nhà, bà phải về ở với mẹ đẻ ở thôn N, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn, ở với mẹ đẻ được khoảng 02 tháng, bà lại quay về nhà nhưng khi về nhà ông N lại tiếp tục đánh và đuổi bà ra khỏi nhà, nên ngày 18 tháng 11 năm 2018 bà đi làm công nhân ở Thái Nguyên và hai vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Từ ngày đi làm công nhân, thỉnh thoảng bà về ở nhà mẹ đẻ ở thôn N, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn với ông N.

* Về con chung: Nhất trí với phần trình bày và ý kiến của ông N về con chung và không yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

* Về tài sản chung và nợ chung:

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà xác nhận trong thời kỳ hôn nhân hai vợ chồng còn nợ phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C, tỉnh Bắc Kạn với số tiền gốc là 54.000.000đ *(Năm mươi tư triệu đồng)* và lãi phát sinh. Khi ly hôn bà không nhất trí trả nợ mà yêu cầu ông N phải trả toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng C với lý do năm 2018 khi đuổi bà ra khỏi nhà, ông N đã nói là tự trả nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội.

Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Đại diện Ngân hàng C có ý kiến: Ông Nông Minh N và bà Hoàng Thị H vay phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C tổng số tiền gốc là 54.000.000đ *(Năm mươi tư triệu đồng).* Tính đến ngày xét xử (08/5/2023) hai vợ chồng ông N và bà H còn nợ số tiền là 78.783.965đ *(Bảy mươi tám triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn chín trăm sáu mươi lăm đồng)*. Trong đó nợ gốc 54.000.000đ *(Năm mươi tư triệu đồng),* lãi trong hạn, quá hạn là 24.783.965đ *(Hai mươi tư triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn chín trăm sáu mươi lăm đồng)*. Ngân hàng yêu cầu ông N và bà H mỗi người phải chịu trách nhiệm trả 1/2 số nợ gốc cùng tiền lãi phát sinh cho ngân hàng.

Tại biên bản xác minh ông Hoàng Văn H2 - Phó trưởng Công an xã V cung cấp thông tin:

Qua kiểm tra trên dữ liệu dân cư quốc gia thì bà Hoàng Thị H, sinh năm 1978 vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn chưa cắt, chuyển đi khỏi địa phương.

Qua xác minh bà Hoàng Thị H, sinh ngày 28/11/1978 ghi trong sổ hộ khẩu gia đình và bà Hoàng Thị H, sinh ngày 08/3/1981 ghi trong giấy chứng nhận đăng ký kết hôn là 01 người. Hiện nay ngoài giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ghi bà Hoàng Thị H, sinh ngày 08/3/1981 thì tại căn cước công dân và trong dữ liệu dân cư quốc gia đều ghi bà Hoàng Thị H, sinh ngày 28/11/1978. Kết quả xác minh thấy rằng bà Hoàng Thị H sinh ngày 08/3/1981 (ghi trong đăng ký kết hôn) và bà Hoàng Thị H sinh ngày 28/11/1978 (ghi trong sổ hộ khẩu gia đình, căn cước công dân) là cùng một người.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 01/2023/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn đã quyết định:

Căn cứ Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 60, Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Án lệ số 08/2016/AL; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử**:**

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn và trả nợ chung của ông Nông Minh N.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nông Minh N được ly hôn với bà Hoàng Thị H.

- Về con chung: Ông Nông Minh N và bà Hoàng Thị H có 01 con chung tên là Nông Văn H1, sinh ngày 19/7/2002. Con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường và hiện nay đã trên 18 tuổi nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung:

***** Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

* Về nợ chung:

- Buộc ông Nông Minh N phải chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng C qua phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C, tỉnh Bắc Kạn số tiền nợ gốc 27.000.000đ *(Hai mươi bảy triệu đồng)* và lãi trong hạn, lãi quá hạn của số tiền nợ gốc tính đến ngày 08/5/2023 là 12.391.982đ *(Mười hai triệu ba trăm chín mươi mốt nghìn chín trăm tám mươi hai đồng).*

- Buộc bà Hoàng Thị H phải chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng C qua phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C, tỉnh Bắc Kạn số tiền nợ gốc 27.000.000đ *(Hai mươi bảy triệu đồng)* và lãi trong hạn, lãi quá hạn của số tiền nợ gốc tính đến ngày 08/5/2023 là 12.391.982đ *(Mười hai triệu ba trăm chín mươi mốt nghìn chín trăm tám mươi hai đồng)*.

Của 03 món vay cụ thể sau:

+ Món vay 1: Số tiền 8.000.000đ *(Tám triệu đồng)* ngày 05/4/2013, theo sổ vay vốn có mã món vay 6000001021029841, chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, thời hạn cho vay 06 (Sáu) năm, lãi suất 10,8%/năm, lãi suất nợ quá hạn 14,04%/năm, hạn trả nợ cuối cùng ngày 11/3/2019, người đứng tên vay là bà Hoàng Thị H, người thừa kế khoản vay là ông Nông Minh N. Hiện nay dư nợ gốc quá hạn còn lại là 8.000.000đ *(Tám triệu đồng);* nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày 08/5/2023 là 6.596.013,đ *(Sáu triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn không trăm mười ba đồng).*

+ Món vay 2: Số tiền 16.000.000đ *(Mười sáu triệu đồng)*, ngày 18/03/2016, theo sổ vay vốn có mã món vay 6600000706836175, chương trình cho vay hộ nghèo, thời hạn cho vay 05 (Năm) năm, lãi suất 6,600%/năm, lãi suất nợ quá hạn 8,58%/năm, hạn trả nợ cuối cùng ngày 12/3/2021, người đứng tên vay là bà Hoàng Thị H, người thừa kế khoản vay là ông Nông Minh N. Hiện nay dư nợ gốc quá hạn còn lại là 16.000.000đ (*Mười sáu triệu đồng);* nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày 08/5/2023 là 6.411.761đ *(Sáu triệu bốn trăm mười một nghìn bảy trăm sáu mươi mốt đồng).*

+ Món vay 3: Số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), ngày 12/5/2016, theo sổ vay vốn có mã món vay 6600000707321988, chương trình cho vay hộ nghèo, thời hạn cho vay 05 (Năm) năm, lãi suất 6,600%/năm, lãi suất nợ quá hạn 8,58%/năm, hạn trả nợ cuối cùng ngày 12/5/2021, người đứng tên vay là bà Hoàng Thị H, người thừa kế khoản vay là ông Nông Minh N. Hiện nay dư nợ gốc quá hạn còn lại là 30.000.000đ *(Ba mươi triệu đồng);* nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày 08/5/2023 là 11.776.191đ *(Mười một triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm chín mươi mốt đồng)*.

Kể từ ngày 09/5/2023 ông Nông Minh N và bà Hoàng Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến khi thi hành xong các khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng mà các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07 và ngày 12 tháng 6 năm 2023, bị đơn bà Hoàng Thị H có đơn kháng cáo với nội dung không nhất trí với phần tuyên nợ chung của bản án sơ thẩm: Bà đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông Nông Minh N có nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc 54.000.000đ *(Năm mươi tư triệu đồng)*lãi trong hạn, quá hạn tính đến ngày xét xử (08/5/2023)là 24.783.965đ *(Hai mươi tư triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn chín trăm sáu mươi lăm đồng)* và lãi phát sinh của 03 món vay cho đến khi ông N trả xong toàn bộ nợ gốc và lãi với lý do bà không có công ăn việc làm ổn định, sức khỏe yếu nên không có khả năng trả nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn bà Hoàng Thị H giữ nguyên nội dung kháng cáo đồng thời đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm nếu vẫn giữ nguyên bản án sơ thẩm về tuyên nghĩa vụ trả nợ thì phải chia tài sản chung cho bị đơn.

Nguyên đơn đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn phát biểu quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá các tài liệu chứng cứ phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn không xuất trình thêm được tài liệu chứng cứ mới bảo vệ cho nội dung kháng cáo của mình nên không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng, thu thập, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải, trình tự, thủ tục phiên tòa, văn bản pháp luật áp dụng trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định được xem xét theo trình tự phúc thẩm, tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Ngân hàng C vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy: Qúa trình giải quyết vụ án các đương sự đều xác nhận: Ông Nông Minh N và bà Hoàng Thị H có vay của Ngân hàng C qua phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C 03 món vay với tổng số tiền gốc là 54.000.000đ *(Năm mươi tư triệu đồng)*, các khoản vay trên được vay trong thời kỳ hôn nhân, mục đích vay là để phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình, phát triển kinh tế. Theo hồ sơ vay vốn kiêm sử dụng vốn vay đều thể hiện: Bà H là người vay, nhận tiền, ông N là người thừa kế.

Điều 27/Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

Trách nhiệm liên đới của vợ chồng:

"1. Vợ chồng chịu ttách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các Điều 24, 25 và 26 của Luật này.

2. Vợ, chồng chịu ttách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này"

Điều 37/Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

Nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng:

"*Vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây:*

Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thoả thuận xác lập…

Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình…"

Đối chiếu với quy định của pháp luật nêu trên, ông N và bà H đều phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Ngân hàng khi ly hôn. Quá trình giải quyết Ngân hàng C yêu cầu ông N và bà H mỗi người phải trả 1/2 số nợ gốc 54.000.000đ *(Năm mươi tư triệu đồng),* lãi trong hạn, quá hạn đến ngày xét xử (08/5/2023) là 24.783.965đ *(Hai mươi tư triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn chín trăm sáu mươi lăm đồng)* và lãi phát sinh cho đến khi trả xong khoản nợ gốc. Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc ông N và bà H mỗi người phải trả cho Ngân hàng C qua phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C, tỉnh Bắc Kạn số tiền nợ gốc 27.000.000đ *(Hai mươi bảy triệu đồng)* và lãi trong hạn, lãi quá hạn của số tiền nợ gốc tính đến ngày 08/5/2023 là 12.391.982đ *(Mười hai triệu ba trăm chín mươi mốt nghìn chín trăm tám mươi hai đồng)* đồng thời còn tuyên từ ngày 09/5/2023 ông Nông Minh N và bà Hoàng Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến khi thi hành xong các khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng mà các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với điều kiện thực tế của các bên, việc bị đơn không nhất trí trả nợ mà đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Nông Minh N có nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc 54.000.000đ *(Năm mươi tư triệu đồng)*lãi trong hạn, quá hạn tính đến ngày xét xử (08/5/2023)là 24.783.965đ *(Hai mươi tư triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn chín trăm sáu mươi lăm đồng)* và lãi phát sinh với lý do với lý do không có công ăn việc làm ổn định, sức khỏe yếu nên không có khả năng trả nợ là không có căn cứ để xem xét.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Hoàng Thị H cũng không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ gì mới, do đó kháng cáo của bị đơn là khôngcó căn cứ để chấp nhận, cần giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 01/2023/HNGĐ-ST ngày 08/5/2023 về việc *"Ly hôn, chia nợ chung"* của Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn. Ngoài ra tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn đề nghị chia tài sản chung, vấn đề này cấp sơ thẩm chưa xem xét giải quyết, do vậy vượt quá yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của đương sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm

Vì các lẽ trên;

Căn cứ Điều 293, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn bà Hoàng Thị H

Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 01/2023/HNGĐ-ST ngày 08/5/2023 về việc *"Ly hôn, chia nợ chung"* của Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

2. Về án phí:

Bà Hoàng Thị H phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng dân sự phúc thẩm là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng*) mà bà H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000515 ngày 13/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn. Xác nhận bà H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Kạn (02);
- VKSND huyện N
- Chi cục THADS huyện N
- TAND huyện N
- UBND xã V
- Các đương sự;
- Lưu HCTP (03)
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vi Thị Tuyết Mai